

Số: 12/2022/QĐST-DS

TP. Hải Dương, ngày 16 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 40/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2022.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn N, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Khu V, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Khu V, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1948.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Là: Anh Đoàn Văn C, sinh năm 1979.

- Bà Hoàng Thị V, sinh năm 1960.

- Bà Hoàng Thị Đ, sinh năm 1964.

- Chị Đào Thị L, sinh năm 1980.

- Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1971.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Việt, bà Diệp, bà Thắm: Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1967.

Đều có địa chỉ: Khu V, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Ông Đào Văn K, sinh năm 1952.

- Chị Đào Thị G, sinh năm 1978.
- Anh Đào Duy B, sinh năm 1983.

Đều có địa chỉ: Thôn 8, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Khiển, chị Giang, anh Bình: Chị Đào Thị L, sinh năm 1980. Địa chỉ: Khu V, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về di sản của cụ Hoàng Văn B, cụ Nguyễn Thị C, bà Hoàng Thị U gồm:

- Thừa đất số 143, tờ bản đồ số 32 có diện tích 472,1m² gồm 300m² đất ở và 172,1m² đất trồng cây lâu năm. Địa chỉ tài sản: Khu V, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Giấy tờ về tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S887343, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0768 QSDĐ/482/QĐUB, do UBND huyện N cấp ngày 26/6/2002 đứng tên ông Hoàng Văn B và bà Nguyễn Thị C.

- Thừa đất số 142, tờ bản đồ số 32 có diện tích 245,1m² gồm 159m² đất ở và 86,1m² đất vườn. Địa chỉ tài sản: Khu V, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Giấy tờ về tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S887344, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0767 QSDĐ/482/QĐUB, do UBND huyện N cấp ngày 26/6/2002 đứng tên bà Hoàng Thị U.

- Thừa đất số 313, tờ bản đồ số 11 có diện tích 205m² đất ruộng. Địa chỉ tài sản: Xứ đồng khu B, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Thừa đất số 473, tờ bản đồ số 11 có diện tích 642m² đất ruộng. Địa chỉ tài sản: Xứ đồng khu M, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Thừa đất số 590, tờ bản đồ số 11 có diện tích 495 m² đất ruộng. Địa chỉ tài sản: Xứ đồng khu Đ, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự thống nhất không đề nghị phân chia đối với các công trình, cây trồng nằm trên thửa đất số 142, 143 gồm 01 nhà cấp 4, 01 bể nước, các bức tường bao, cánh cổng làm bằng sắt mất lưới cáo bị han rỉ, 01 cây thị, 01 cây mít, một số cây chuối nhỏ, 01 cây cau.... Sau này tài sản và cây trồng nằm trên phần đất của ai được chia thì người đó được sở hữu mà không phải chia trả bằng tiền cho người thừa kế khác.

2. Phân chia di sản:

2.1 Các đương sự thống nhất phân chia di sản của cụ Hoàng Văn B, cụ Nguyễn Thị C, bà Hoàng Thị U thành 06 phần thừa kế: Ông Hoàng Văn N, ông Hoàng Văn T, bà Hoàng Thị V, bà Hoàng Thị Đ, bà Hoàng Thị L, mỗi người được hưởng một phần thừa kế và ông Đào Văn K, chị Đào Thị G, chị Đào Thị L, anh Đào Duy B được hưởng một phần thừa kế. Mỗi phần thừa kế có tổng trị giá là 314.648.000đ (*ba trăm mười bốn triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn đồng*) gồm:

76,5m2 đất ở trị giá 214.200.000đ; 43m2 đất trồng cây lâu năm trị giá 60.200.000đ và 223,6m2 đất ruộng trị giá 40.248.000đ.

2.2 Ông N, bà V, bà Đ, ông K, chị G, chị L, anh B tự nguyện tặng cho ông T toàn bộ phần tài sản được hưởng thừa kế của cụ B, cụ C, bà U và tự nguyện không yêu cầu ông T phải thanh toán trả giá trị tài sản bằng tiền.

2.3 Giao cho ông Hoàng Văn T được quyền sử dụng các thửa đất và được sở hữu các tài sản, cây trồng gắn liền với các thửa đất gồm:

- Thửa đất số 143, tờ bản đồ số 32 có diện tích 472,1m2 gồm 300m2 đất ở và 172,1m2 đất trồng cây lâu năm. Địa chỉ tài sản: Khu V, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Giấy tờ về tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S887343, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0768 QSDĐ/482/QĐUB, do UBND huyện N ngày 26/6/2002 đứng tên ông Hoàng Văn B và bà Nguyễn Thị C.

- Thửa đất số 142, tờ bản đồ số 32 có diện tích 245,1m2 gồm 159m2 đất ở và 86,1m2 đất vườn. Địa chỉ tài sản: Khu V, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Giấy tờ về tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S887344, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0767 QSDĐ/482/QĐUB, do UBND huyện N cấp ngày 26/6/2002 đứng tên bà Hoàng Thị U.

- Thửa đất số 313, tờ bản đồ số 11 có diện tích 205m2 đất ruộng. Địa chỉ tài sản: Xứ đồng khu B, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Thửa đất số 473, tờ bản đồ số 11 có diện tích 642m2 đất ruộng. Địa chỉ tài sản: Xứ đồng khu M, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Thửa đất số 590, tờ bản đồ số 11 có diện tích 495 m2 đất ruộng. Địa chỉ tài sản: Xứ đồng khu Đ, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

2.4 Ông Hoàng Văn T có nghĩa vụ thanh toán trả bà Hoàng Thị L giá trị phần tài sản bà L được hưởng thừa kế thành tiền là **314.648.000đ** (*ba trăm mười bốn triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn đồng*) vào ngày 16/11/2022 (***đã thanh toán xong***).

2.5 Ông Hoàng Văn T có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký quyền sở hữu, sử dụng nhà, đất theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

- Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Hoàng Văn N, bà Hoàng Thị V, bà Hoàng Thị L, ông Đào Văn K.

- Ông Hoàng Văn T, bà Hoàng Thị Đ, mỗi người phải chịu 7.866.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Chị Đào Thị G, chị Đào Thị L, anh Đào Duy B, mỗi người phải chịu 1.966.500đ án phí dân sự sơ thẩm. Ông T tự nguyện chịu án phí thay bà

Đ, chị G, chị L, anh B nên tổng số tiền án phí ông T phải nộp là **21.631.500đ** (*hai mươi một triệu sáu trăm ba mươi một nghìn năm trăm đồng*).

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu Văn phòng Tòa án.

THẨM PHÁN

Quách Thị Phương Thúy